PHÒNG GD&ĐT DIỄN CHÂU ***(Phụ lục 01)***

**TRƯỜNG MẦM NON DIỄN LIÊN**

**KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ 24 - 36 THÁNG TUỔI**

**NĂM HỌC 2024 - 2025**

*(Kèm theo Kế hoạch số 200/KH-MNDL ngày 05 tháng 9 năm 2024*

*của Trường mầm non Diễn Liên)*

**A. KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Chủ đề nhánh** | **Tuần** | **Thời gian thực hiện** |
| **1** | **Trường mầm non thân yêu**  **(6 tuần)** | Vui hội Trung thu | 1 | 16/9 - 20/9/2024 |
| Bé và các bạn | 2 | 23/9 - 27/9/2024 |
| Lớp học của bé | 3 | 30/9 - 04/10/2024 |
| Đồ dùng của bé | 4 | 07/10 - 11/10/2024 |
| Đồ chơi bé thích | 5 | 14/10 - 18/10/2024 |
| Trường mầm non Diễn Liên thân yêu | 6 | 21/10 - 25/10/2024 |
| **2** | **Bé và gia đình**  **(5 tuần)** | Những người thân trong gia đình bé | 7 | 28/10 - 01/11/2024 |
| Bé và cơ thể bé | 8 | 04/11 - 08/11/2024 |
| Đồ dùng để ăn trong gia đình | 9 | 11/11 - 15/11/2024 |
| Ngày hội của cô giáo | 10 | 18/11 - 22/11/2024 |
| Đồ dùng để uống trong gia đình | 11 | 25/11 - 29/11/2024 |
| **3** | **Những con vật đáng yêu**  **(6 tuần)** | Con vật có 2 chân | 12 | 02/12 - 06/12/2024 |
| Con vật có 4 chân | 13 | 09/12 - 13/12/2024 |
| Bé yêu chú bộ đội | 14 | 16/12 - 20/12/2024 |
| Con vật sống dưới nước | 15 | 23/12 - 27/12/2024 |
| Con vật sống trong rừng | 16 | 30/12 - 03/01/2025 |
| Một số loài chim | 17 | 06/01 - 10/01/2025 |
| **4** | **Một số loại rau, củ, quả**  **(6 tuần)** | Một số loại rau ăn củ | 18 | 13/01 - 17/01/2025 |
| Ngày Tết nguyên đán | 19 | 20/01 - 24/01/2025 |
| ***25/01 - 02/02/2025, nghỉ Tết nguyên đán***  ***(Tức ngày 25/12 - 05/01 âm lịch)*** | | |
| Các loại quả bé thích | 20,21 | 03/02 - 14/02/2025 |
| Một số loại rau ăn lá | 22 | 17/02 - 21/02/2025 |
| Một số loại rau ăn quả | 23 | 24/02 - 28/02/2025 |
| **5** | **Cây xanh và những bông hoa đẹp**  **(4 tuần)** | Ngày 08/3 | 24 | 03/3 - 07/3/2025 |
| Bé yêu cây xanh | 25 | 10/3 - 14/3/2025 |
| Những bông hoa đẹp | 26,27 | 17/3 - 28/3/2025 |
| **6** | **Một số phương tiện giao thông**  **(5 tuần)** | Phương tiện giao thông đường bộ | 28 | 31/3 - 04/4/2025 |
| Đèn tín hiệu giao thông | 29 | 07/4 - 11/4/2025 |
| Phương tiện giao thông đường sắt | 30 | 14/4 - 18/4/2025 |
| Phương tiện giao thông đường thủy | 31 | 21/4 - 25/04/2025 |
| Phương tiện giao thông đường không | 32 | 28/4 - 02/5/2025 |
| **7** | **Mùa hè - Bé lên mẫu giáo - Bác Hồ kính yêu**  **(3 tuần)** | Thời tiết, trang phục mùa hè | 33 | 05/5 - 09/5/2025 |
| Bác Hồ kính yêu | 34 | 12/5 - 16/5/2025 |
| Bé lên mẫu giáo | 35 | 19/5 - 23/5/2025 |

**B. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC SỨC KHỎE**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Phương pháp, hình thức thực hiện** | **Người thực hiện, người phối hợp thực hiện** | **Lưu ý/ Điều chỉnh** |
| **1. Tổ chức bữa ăn** | ***a. Số lượng và chất lượng bữa ăn***   - Số bữa ăn: Hai bữa chính và một bữa phụ.  - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: Trẻ ăn cơm thường.  - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày: 600 - 651 Kcal.  + Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.  + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:  Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% -20% năng lượng khẩu phần.  Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% -40% năng lượng khẩu phần  Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.  - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: Cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng.  - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kĩ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay…nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh an toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn.  - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.  - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (Kể cả nước trong thức ăn).  - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 02 - 03 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống.  ***b. Chăm sóc bữa ăn***  *\* Trước khi ăn*  - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau...  - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn.  *\* Trong khi ăn*  - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: Biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kĩ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn.  - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy.  - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ.  - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở.  Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn cho trẻ (Ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn thực phẩm và dinh dưỡng cho trẻ.  *\* Sau khi ăn*  - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định. Nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh, súc miệng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng.  - Đồ dùng cá nhân: Khăn mặt, ca cốc uống nước phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung.  - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp. | CBQL,  Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh |  |
| **2. Tổ chức giấc ngủ** | - Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (Khoảng 150 phút).  - Gối, chiếu cho trẻ ngủ phải được giặt, phơi thường xuyên, không để ẩm mốc.  ***\* Trước lúc cho trẻ ngủ***  - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ.  - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối (Phù hợp với độ tuổi).  - Kiểm tra số trẻ trong lớp, tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (Đối với mùa đông).  ***\* Trong khi ngủ***  - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xẩy ra trong khi ngủ.  - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ môi trường, trẻ khó ngủ, giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác  ***\* Sau khi thức dậy***  - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngái ngủ có thể cho trẻ dậy sau, tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều.  - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ. | Giáo viên |  |
| **3. Tổ chức vệ sinh** | ***a.Vệ sinh cô***  - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ.  - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm.  ***b. Vệ sinh cá nhân trẻ***  - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung.  - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (Xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp, thuận tiện cho trẻ khi sử dụng).  - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh.  - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (Nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để giáo viên có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết).  - Trong thời điểm dịch bệnh đang xẩy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; hướng dẫn trẻ súc miệng, giáo viên có thể pha nước muối thoảng để tại lớp cho trẻ súc miệng.  - Quần áo, dày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyền truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa.  ***c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp***  *\* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi*  - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, đễ cất, tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng.  - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy.  - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh.  - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này.  - Bô đi vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo.  + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước.  + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo.  + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn.  + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân.  + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ.  + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt.  + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng.  + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kĩ năng vệ sinh (Giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kĩ năng vệ sinh).  *\* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường*  - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa giáo dục trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày.  - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng.  - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ố màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt. | Giáo viên, nhân viên nấu ăn và bảo vệ |  |
| **4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn** | ***a. Chăm sóc sức khỏe***  *\* Khám sức khỏe*  - Nhà trưởng phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ cho trẻ một năm ít nhất 1 lần.  Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe.  - Nếu phát hiện trẻ có bệnh lý về chuyên khoa thì tư vấn cha mẹ trẻ đưa trẻ đến khám khám, điều trị theo các chuyên khoa tại các bệnh viện.  *\* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ:*  - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao 03 tháng 01 lần (Vào tháng 9, 12/2024 và tháng 3/2025).  - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: Có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ.  ***b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp***  - Phối hợp với Trạm y tế tuyền truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng.  - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xẩy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (Sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu…) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý, tránh lây lan trong nhà trường.  ***c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm***  - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viên đg hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy  - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau:  + Thuốc sát trùng ngoài da (Cồn 70%, Cồn Iốt loãng 2,5%).  + Thuốc hạ sốt.  + OERSOL.  + Thuốc nhỏ mắt trẻ em  + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (Pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương.  + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao.  Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc.  Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế.  Nếu trẻ bị mệt phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên.  ***d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp***  - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương.  - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ.  - Phối hợp Trạm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ. | - CBQL,  giáo viên,  nhân viên y tế,  trạm y tế xã,  phụ huynh |  |

**C. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Nội dung** |
| **I. Lĩnh vực phát triển thể chất** | |
| ***1. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe*** | |
| **MT1**. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.  Trẻ trai:  Cân nặng: 11,3kg - 18,3kg  Chiều cao: 88,7 - 103,5 cm  Trẻ gái:  Cân nặng: 10,8 - 18,1kg Chiều cao: 87,4 - 102,7cm | - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.  - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.  - Cân đo theo dõi sức khỏe trẻ qua biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm.  - Kiểm tra sức khỏe định kỳ.  - Nhận biết trẻ béo phì và suy dinh dưỡng. Tìm ra nguyên nhân của béo phì và suy dinh dưỡng.  - Cân đo theo dõi trẻ suy dinh dưỡng hàng tháng.  - Tập các bài tập thể dục thường xuyên  - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ. |
| **MT2**. Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau. | - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.  - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. |
| **MT3**. Trẻ được ngủ 1 giấc buổi trưa. | - Luyện thói quen ngủ 1 giấc buổi trưa. |
| **MT4**. Trẻ đi vệ sinh đúng nơi qui định. | - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định.  - **GDKNS** : Biết ngồi bô, ngồi bồn cầu... |
| **MT5**. Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn. | - Tập tự phục vụ:  + Xúc cơm ăn, uống nước.   * Chuẩn bị chỗ ngủ.   - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.  - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.  - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.  - **GDKNS** : Lấy, cất gối, Lấy, cất ba lô.Cầm thìa xúc cơm…  - Montessori : Tự chải tóc, súc miệng, lau mặt, treo mũ, quần áo, cài khuy áo, thắt dây giày… |
| **MT6**. Trẻ chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh | Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt...  - **GDKNS**: Tập tháo tất, dày; tập đi tất, đi dày; tập mặc; cởi quần, áo, đi dép và cất dép đúng nơi quy định...  - Montessori: Xếp tất thành đôi |
| **MT7**. Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở. | Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần (Bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng)  - **GDKNS** : Biết tranh xa một số đồ dùng, nơi nguy hiểm: bàn là, nước đun sôi, phích nước nóng, xô nước, giếng, ổ điện, ao, hồ ổ điện, ao, hồ... |
| **MT8**. Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở. | Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (Leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...)  - **GDKNS** : Không leo trèo lan can, không cầm dao kéo... |
| ***2. Phát triển vận động*** | |
| **MT9**. Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân. | - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra.  - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay.   * Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên.   - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân. |
| **MT10**. Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi, chạy, bước | Tập đi, chạy:  - Đi theo hiệu lệnh  - Đi bước đều “Một - hai”  - Đi trong đường hẹp  - Đi có mang vật trên tay  - Đi bước qua gậy kê cao  - Đi theo đường ngoằn nghoèo  - Đi bước vào các ô  - Đi kết hợp với chạy  - Bước lên xuống bậc có vịn  - Bước lên xuống bậc cao 15 cm  - Chạy theo hướng thẳng  - Chạy đổi hướng  - Đứng co 01 chân |
| **MT11**. Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt trong vận động tung, ném, bắt | Tập tung, ném, bắt:  - Tung - bắt bóng cùng cô  - Tung bóng bằng hai tay  - Tung bóng qua dây  - Tung bóng lên cao  - Ném bóng vào đích  - Ném bóng về phía trước |
| **MT12**. Trẻ phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng | Tập bò, trườn:  - Bò thẳng hướng  - Bò thẳng hướng theo đường hẹp  - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng  - Bò chui qua cổng  - Bò qua vật cản  - Bò theo đường ngoằn nghoèo  - Trườn đến đích  - Trườn qua vật cản  - Trườn chui qua cổng |
| **MT13**. Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, nhún bật | Tập ném xa, nhún bật:  - Ném xa bằng 1 tay  - Bật tại chỗ  - Bật về phía trước  - Bật qua vạch kẻ  - Bật qua các vòng  - Bật xa bằng 2 chân |
| **MT14**. Trẻ thực hiện vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay, thực hiện “múa khéo”. | Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò, xé… |
| **MT15**. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động nhào, vẽ, xâu... | - Đóng cọc bàn gỗ   * Nhón nhặt đồ vật * Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây * Chắp ghép hình * Chồng, xếp 6 - 8 khối... * Tập cầm bút tô, vẽ   - Lật mở trang sách... |
| **II. Lĩnh vực phát triển nhận thức** | |
| **MT16**. Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng. | * Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. * Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.   - Sờ nắn, nhìn, ngửi...đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.   * Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (Nhẵn) - xù xì.   - Nếm vị của một số thức ăn, quả (Ngọt - mặn - chua). |
| **MT17**. Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. | - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.  - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm, lớp.  **NBTN**:  + Đồ chơi bé thích: Quả bóng, búp bê, xít đu, cầu trượt…  + Đồ dùng của bé: Cái quần, cái áo, cái váy, đôi dày, đôi dép, cái mũ…  + Bánh Trung thu, đèn ông sao  + Đồ dùng của lớp bé: Đất nặn, sáp màu, cái vòng, cái gậy...  + Đồ dùng để ăn: Cái bát, cái đĩa, cái thìa, đôi đũa…  + Đồ dùng để uống: Cái ấm, cái chén, cái cốc…  - Montessori: Lau bàn, lâu ghế, di chuyển đồ vật bằng tay hoặc đồ vật khác… |
| **MT18**. Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi. | - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân  - Tên và công việc của những thân gần gũi trong gia đình  - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp  **NBTN**:  + Bé và các bạn: Tên bé, tên các bạn…  + Bé và những người thân: Bố, mẹ, ông, bà, anh, chị, em...  + Lớp học của bé: Bạn trai, bạn gái, tên nhóm/lớp  + Các cô giáo của bé  + Trường mầm non của bé |
| **MT19**. Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi. | Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân…  **NBTN**:  - Một số bộ phận trên cơ thể bé: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân; khám phá đôi bàn tay…  - Steam: Nhận biết cảm xúc vui buồn, Khuôn mặt dễ thương, khuôn mặt buồn, khuôn mặt vui… |
| **MT20**. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc. | Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả, đồ vật quen thuộc.  **\* NBTN**:  - Con vật có 2 chân: Con gà, con vịt; con ngan, con ngỗng...  - Con vật có 4 chân: Con chó, con mèo; con lợn, con trâu, con bò...  - Động vật sống dưới nước: Con cá, con tôm, con cua, con ốc…  - Động vật sống trong rừng: Con khỉ, con hươu,  con voi, con gấu, con sư tử, con hổ…  - Một số loài chim: Chim bồ câu, chim sẻ, chim én...  - Một số loại rau, củ, quả:  + Rau muống, rau cải, bắp cải, rau xà lách...  + Su hào, cà rốt, khoai tây, củ cải...  + Quả bí đỏ, quả bí xanh, quả dưa chuột, quả đậu...  - Một số loại hoa: Hoa hồng, hoa cúc, hoa đào, hoa mai, hoa lay ơn, hoa đồng tiền…  - Bánh chưng, bánh tét.  - Một số loại quả: Quả cam, quả bưởi, quả na, quả chuối, quả đu đủ, quả hồng xiêm…  - Một số đồ vật: Cái giường, cái tủ, cái bàn, cái ghế, cái ti vi, cái tủ lạnh…  \* **NBPB**:  - Rau ăn củ, rau ăn lá, rau ăn quả  - Quả tròn, quả dài.  - Quả có hạt, quả không có hạt  - Hoa cánh tròn, hoa cánh dài  - Con vật 2 chân, con vật 4 chân  - Bánh chưng, bánh tét (Bánh chưng vuông, bánh tét dài)…  - **GDKNS**: Nhặt lá vàng rơi, không bẻ cành ngắt lá, biết chăm sóc, bảo vệ các loại cây xanh, hoa, rau củ... + Một số kỹ năng cơ bản khi ăn các loại rau, củ, quả ( rửa tay trước khi ăn, rửa rau củ, quả, gọt vỏ, bỏ hạt...)  - Steam: Gieo hạt, tìm hiểu về con cá, pha nước cam, pha nước chanh, thí nghiệm hoa nổi trên nước, nhận biết quả cam.  - Montessori: Nhặt hạt đậu, đổ gạo, cắt thái hoa quả, cắm hoa… |
| **MT21**. Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu. | Màu đỏ, vàng, xanh  **NBPB**:  - Tặng em búp bê đồ chơi màu đỏ  - Chọn đồ dùng màu xanh cho bé  - Chọn đồ chơi màu vàng  - Chọn con vật màu vàng  - Chọn đồ vật màu vàng  - Đồ dùng màu xanh, màu đỏ, màu vàng  - Con vật màu xanh, con vật màu vàng  - Cắm hoa màu đỏ, màu vàng vào lọ  - Quần áo màu xanh, màu đỏ, màu vàng…  - Đèn xanh , đèn đỏ, đèn vàng.  **HĐVĐV**: Xâu vòng màu đỏ; Xâu vòng màu xanh; Xâu vòng màu vàng; Xâu vòng lá; Xâu vòng hoa; Xâu vòng màu xanh, màu đỏ; Xâu vòng màu xanh, đỏ xen kẽ; Xâu vòng màu xanh, vàng xen kẽ; Xâu vòng 3 màu xanh, đỏ, vàng…  - Montessori: Xâu hạt, xâu dây… |
| **MT22**. Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu. | \* Kích thước (To - nhỏ)  - **NBPB**  + Bát to - bát nhỏ  + Bóng to - bóng nhỏ  + Đĩa to - đĩa nhỏ  + Quả to - quả nhỏ  + Cá to - cá nhỏ  + Đồ chơi to - đồ chơi nhỏ  + Lá to - lá nhỏ  + Bày quả to, quả nhỏ ra đĩa…  \* Hình tròn, hình vuông  **- NBPB**  + Hình tròn, hình vuông  + Hình to - hình nhỏ…  \* Vị trí trong không gian (Trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ  - **NBPB**  + Phía trên, phía dưới của bản thân trẻ  + Phía trước, phía sau của bản thân trẻ  \* Số lượng một - nhiều |
| **MT23**.Trẻ nhận biết một số phương tiện giao thông quen thuộc | Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi  \* **NBTN**  - Phương tiện giao thông đường bộ: Xe đạp, xe máy, xe ô tô, xe xích lô…  - Phương tiện giao thông đường hàng không, đường sắt: Máy bay, tàu hỏa…  - Phương tiện giao thông đường thủy: Thuyền buồm, tàu thủy, ca nô…  \* **NBPB**:  - Xe 2 bánh, xe 4 bánh  - Đèn xanh, đèn đỏ, đèn vàng…  - **GDKNS**: Tập ngồi xe đạp, xe máy; tập đội mũ bảo hiểm... Một số kỹ năng khi tham gia giao thông: ngồi ngay ngắn, đội mũ bảo hiểm, không thò đầu ra ngoài  - Steam: Thả thuyền, chơi tín hiệu đèn... |
| **MT24.** Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên, thời tiết của mùa hè | - Thời tiết mùa hè  - Quần áo, trang phục mùa hè  - Steam: Thí nghiệm chìm nổi, pha màu nước, bong bóng xà phòng, nhốt không khí vào bao…  - **GDKNS** : Biết đội nón mũ, che ô khi đi ra ngoài  - Montessori: Rót nước |
| **MT25**. Trẻ biết được tên các ngày lễ, hội; sự kiện văn hóa ở trường, ở địa phương. | - Ngày khai giảng  - Bé vui đón Tết Trung thu  - Ngày hội của cô giáo 20/11  - Bé yêu chú bộ đội  - Bé vui đón tết Nguyên Đán  - Ngày vui 08/3  - Lễ hội Đền Cuông  - Ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5 |
| **MT26**. Trẻ biết sắp được lên học lớp mẫu giáo; biết tên và hình ảnh Bác Hồ | - Trẻ gọi tên một số đồ dùng và các hoạt động ở lớp mẫu giáo.  + Bé lên Mẫu giáo  + Một số đồ dùng của lớp mẫu giáo: Quyển sách, cái bút...  - Gọi tên Bác qua tranh ảnh, ngày sinh nhật Bác, yêu quý Bác Hồ. |
| **III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ** | |
| **MT27**. Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động. | - Nghe lời nói với sắc thái biểu cảm khác nhau  - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc  - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. |
| **MT28**. Trẻ trả lời được các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “…làm gì?”, “….thế nào?” | - Nghe các câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Để làm gì? Ở đâu? Như thế nào?  - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì?, Làm gì?, Ở đâu? Thế nào?, Để làm gì?, Tại sao?... |
| **MT29**. Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật | Nghe truyện ngắn; kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý; lắng nghe người lớn đọc sách; xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.  **- Chủ đề Trường mầm non thân yêu**  Vệ sinh buổi sáng (Vân Nhi). Đôi bạn nhỏ (Hoàng Anh). Bé làm được việc gì (Sưu tầm). Em bé dũng cảm (Sưu tầm). Bài học đầu tiên của gấu con (Phỏng theo Lê Bạch Tuyết). Sự tích Tết Trung thu; Chào buổi sáng (Nguyễn Thị Quyên); Đôi bạn chó mèo…  **- Chủ đề Bé và Gia đình**  Thỏ con không vâng lời (Nguyễn Thị Thảo). Khỉ con ăn chuối (Vân Nhi). Cả nhà ăn dưa hấu (Vũ Hồng Tâm, Nguyễn Thị Tuất, Hồ Lam Hồng); Bé Mai ở nhà (Vũ Hồng Tâm, Nguyễn Thị Tuất, Hồ Lam Hồng). Anh em nhà thỏ (Hoàng Thị Minh Khanh). Thỏ dọn nhà (Kim Chi). Thỏ ngoan (Hoàng Oanh sưu tầm). Chú gấu con ngoan…  **- Chủ đề Những con vật đáng yêu**  Khỉ con biết vâng lời (Vân Nhi). Quả trứng (Nguyễn Thái Duy). Mèo con nhút nhát. Con cáo (Nguyễn Duy Thái). Sẻ con (Ngô Quân Miện). Cá và chim (Nguyễn Thị Thảo). Anh bộ đội và lũ trẻ. Cô vịt tốt bụng. Cá rô ron lên bờ. Chiếc đu màu đỏ…  **- Chủ đề Một số loại rau, củ, quả**  Cây táo (Chế Thùy Như). Quả thị (Nguyễn Thái Duy). Thỏ con ăn gì (Hồ Lam Hồng). Bé Mai đi chợ Tết (Chế Thùy Như). Chiếc áo mùa xuân. Cả nhà đón Tết. Mùa Xuân đã về…  **- Chủ đề Cây xanh và những bông hoa đẹp**  Cô và các bạn xem hoa (Sưu tầm)…  **- Chủ đề Một số phương tiện giao thông**  Câu chuyện chuyến xe ủi (Lương Thị Bình). Chuyến du lịch của chú gà trống choai (Lương Thị Bình). Vì sao thỏ cụt đuôi. Tàu thủy ti hon. Bé Mai đi chơi công viên. Ô tô con học bài…  **- Chủ đề Mùa hè - Bé lên mẫu giáo - Bác Hồ kính yêu**  Cóc gọi trời mưa (Nguyễn Thị Thảo). Giọt nước tý xíu (Nguyễn Văn Linh). Mẹ tắm cho bé (Sưu tầm). Một ngày bé đến trường. Chiếc ô tô của thỏ trắng. Mèo con nhút nhát. Bác Hồ của em… |
| **MT30**. Trẻ phát âm rõ tiếng | - Phát âm các âm khác nhau |
| **MT31**. Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo | Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố. Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng  **\* Thơ**  **- Chủ đề Trường mầm non thân yêu**  Đôi mắt của em (Lê Thị Mỹ Phương). Miệng xinh (Phạm Hổ). Bạn mới (Nguyệt Mai). Đi học ngoan. Giúp bạn (Sưu tầm). Giờ ăn (Sưu tầm). Đến lớp (Xuân Hoài). Vườn trẻ (Nhược Thủy). Bàn tay cô giáo (Định Hải). Đi học (Nguyễn Văn Chương). Thỏ con và mặt trăng (Phạm Hổ). Trăng (Trần Đăng Khoa); Đi dép (Phạm Hổ). Chia đồ chơi. Khăn đẹp. Giường. Cửa sổ riêng của bé…  **- Chủ đề Bé và Gia đình**  Chổi ngoan (Sưu tầm). Nụ cười của bé (Tô Thị Hiền). Cháu chào ông ạ (Nguyễn Thị Thảo). Mẹ và con (Nguyễn Bá Đan). Yêu mẹ (Nguyễn Bảo). Ấm và chảo (Sưu tầm). Mẹ và cô (Trần Quốc Toàn). Mẹ ru con ngủ (Sưu tầm). Dỗ em (Thùy Dung). Bà và cháu (Phạm Thị Thọ). Bó hoa tặng cô (Sưu tầm)…  **- Chủ đề Những con vật đáng yêu**  Con cá vàng (Sưu tầm). Tìm ổ (Võ Quảng). Con trâu (Võ Quảng). Đàn bò (Trần Thanh Dịch). Con voi (Phạm Hổ). Gà gáy (Phạm Hổ). Con cua (Trần Mạnh Hảo). Ong và bướm (Nhược Thủy). Rong và cá (Phạm Hổ). Gọi nghé (Sưu tầm). Chú gà con (Phạm Hổ). Đàn vịt (Hoàng Thị Minh Khanh). Chú bộ đội (Sưu tầm). Mèo con. Em là bộ đội. Chú bộ đội của em. Thỏ trắng. Đàn lợn con. Con rùa…  **- Chủ đề Một số loại rau, củ, quả**  Chăm rau (Sưu tầm). Hoa kết trái (Thu Hà). Cây bắp cải (Phạm Hổ). Quả thị (Thanh Thảo). Củ cà rốt. Chuối. Đi chợ tết (Sưu tầm). Mùa xuân (Tú Mỡ). Cây đào. Mưa xuân (Sưu tầm). Tết và bạn nhỏ (Phan Trọng Bảo Viên). Cây đào (Xuân Tửu)…  **- Chủ đề Cây xanh và những bông hoa đẹp**  Hoa nở (Thu Hà). Hoa sen (Nguyễn Mai Chi). Dán hoa tặng mẹ (Hoàng Long). Cây dây leo (Xuân Tửu). Cô giáo em. Quà 08.3…  **- Chủ đề Một số phương tiện giao thông**  Xe đạp (Phương Nam). Con tàu. Đèn xanh, đèn đỏ (Định Hải). Đi chơi phố. Thuyền ngủ bãi (Triệu Thị Lê). Chiếc máy bay. Tiếng còi tàu. Bé nằm mơ. Xe chữa cháy…  **- Chủ đề Mùa hè - Bé lên mẫu giáo - Bác Hồ kính yêu**  Cầu vồng (Nhược Thủy). Mưa (Lê Lâm). Trưa hè. Bóng mây (Thanh Hảo). Trăng sáng (Nhược Thủy). Nắng bốn mùa. Che mưa cho bạn. Tiết kiệm nước. Sao lấp lánh. Cặp song ca mùa hè. Tia nắng. Bé lên mẫu giáo. Bác Hồ của em. Khăn nhỏ. Bé tập nói...  **\* Ca dao, đồng dao**  - Chi chi chành chành.  - Nu na nu nống.  - Dung dăng dung dẻ.  - Đi cầu đi quán.  - Kéo cưa lừa xẻ.  - Lộn cầu vồng. |
| **MT32**. Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc | Thể hiện nh­u cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài. |
| **MT33**. Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau | Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. |
| **MT34**. Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép | Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. |
| **IV. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm** **mỹ** | |
| **MT35**. Trẻ nói được một vài thông tin về mình (Tên, tuổi) | Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. |
| **MT36**. Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích | Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. |
| **MT37**. Trẻ biết biểu lộ sựthích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói | Giao tiếp với những người xung quanh. |
| **MT38**. Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi | Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận. |
| **MT39**. Trẻ biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ | Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận…qua giao tiếp và các hoạt động hàng ngày  - Steam: Khuôn mặt dễ thương, khuôn mặt buồn, khuôn mặt vui… |
| **MT40**. Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi | Quan tâm đến các vật nuôi  - **GDKNS** : Chăm sóc con vật, cho cá ăn...  Tránh xa những con vật hung dữ |
| **MT41**. Trẻ chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ | Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “Dạ”, “Vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cấu bạn…  - **GDKNS** : Chào hỏi, cảm ơn |
| **MT42**. Trẻ thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ | Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi  - **GDKNS** : Bế em, cho em ăn, khuấy bột |
| **MT43**. Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác | Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. |
| **MT44**. Trẻ thực hiện một số yêu cầu của ngư­ời lớn | - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.  - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.  - **GDKNS** : Xếp, cất đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định.  - Montessori : Dạycondọn dẹp đồ chơi sau khi dùng xong, tự lấy bát ăn cơm…. |
| **MT45**. Trẻ hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc | Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc  **- Chủ đề Trường mầm non thân yêu**  + Hát, vận động: Cô và mẹ. Lời chào buổi sáng (Hồng Ngọc). Em búp bê (Xuân Thọ). Bóng tròn (Vũ Thanh). Đi nhà trẻ. Đi học về (Hoàng Long, Hoàng Lân). Chiếc khăn tay (Văn Tấn). Cùng đi về lớp. Rước đèn. Bé ngoan. Hoa tặng mẹ. Đôi dép…  + Nghe hát: Trường chúng cháu là trường mầm non. Em đi mẫu giáo. Em yêu cô giáo. Chim mẹ chim con. Đồ dùng bé yêu. Chiếc khăn tay. Đồ chơi của bé. Dọn đồ chơi. Đu quay...  **- Chủ đề Bé và Gia đình**  + Hát, vận động: Mẹ yêu không nào (Lê Xuân Thọ). Biết vâng lời mẹ. Quà tặng mẹ. Cháu yêu bà (Xuân Giao). Đi ngủ. Giấu tay. Xòe bàn tay…  + Nghe hát: Cả nhà đều yêu (Bùi Anh Tôn). Cả nhà thương nhau. Em yêu cô giáo (Bùi Anh Tôn). Biết vâng lời mẹ (Minh Khang). Bé quét nhà. Ru em. Cho con. Tổ ấm…  **- Chủ đề Những con vật đáng yêu**  + Hát, vận động: Con gà trống (Tân Huyền). Ếch ộp (Văn Chung). Là con mèo (Mộng Lân). Gà trống mèo con và cún con (Thế Vinh). Một con vịt; Đàn vịt con. Phi ngựa (Mộng Lợi Chung). Con cò cánh trắng. Đi một hai…  + Nghe hát: Chim chích bông (Vân Dung). Trời nắng trời mưa (Đặng nhất Mai). Cá vàng bơi. Con chim vành khuyên. Voi làm xiếc. Cò lả. Gà gáy le te. Cháu thương chú bộ đội…  **- Chủ đề Một số loại rau, củ, quả**  + Hát, vận động: Cây bắp cải (Thu Hồng). Qủa (Xanh Xanh). Bé chúc tết, Mùa xuân đến rồi, Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân)…  + Nghe hát: Hoa kết trái. Vườn cây của ba. Bầu và bí. Chúc xuân. Ngày tết quê em, Mùa xuân ơi. Em thêm một tuổi…  **- Chủ đề Cây xanh và những bông hoa đẹp**  + Hát, vận động: Hái hoa (Bùi Anh Tôn). Bé và hoa (Thu Hiền). Quà 08/3. Hoa bé ngoan. Như những cánh hoa  + Nghe hát: Màu hoa. Lý cây bông ( Dân ca nam bộ). Hoa trong vườn (Dân ca Thanh Hóa). Lý cây xanh (Dân ca Nam Bộ). Lý cây đa (Dân ca quan họ Bắc Ninh). Ra vườn hoa em chơi. Em là bông hồng nhỏ. Ngày vui 08/3. Hoa trường em…  **- Chủ đề Một số phương tiện giao thông**  + Hát, vận động: Lái ô tô (Đoàn Phi). Em tập lái ô tô (Nguyễn Văn Tý). Tàu hỏa (Bùi Anh Tôn). Đèn xanh, đèn đỏ (Bùi Anh Tôn). Đoàn tàu nhỏ xíu...  + Nghe hát: Em đi chơi thuyền (Mộng Lân). Em đi qua ngã tư đường phồ (Hoàng Văn Yến). Anh phi công ơi (Nhạc Xuân Giao, lời thơ Xuân Quỳnh). Nhớ lời cô dặn. Bạn ơi có biết…  **- Chủ đề Mùa hè - Bé lên mẫu giáo - Bác Hồ kính yêu**  + Hát, vận động: Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung). Đếm sao. Bé đi mẫu giáo. Nhớ ơn Bác. Cùng múa vui…  + Nghe hát: Ánh trăng hòa bình. Cho tôi đi làm mưa với. Nắng sớm. Mưa rơi. Bé và ông mặt trời. Cháu vẽ ông mặt trời. Hè đến. Lại đây múa hát cùng cô (Bùi Anh Tôn). Ru con (Dân ca Nam Bộ). Ai yêu nhi đồng. Béo dạt mây trôi… |
| **MT46**. Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh | Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình, xem tranh.  **Chủ đề Trường mầm non thân yêu**  \* **HĐVĐV**:  - Xếp đường đi đến trường  - Xếp cổng trường  - Tháo lắp vòng  - Xếp giường cho búp bê  - Steam: Bé chơi luồn dây, xếp hình...  \* **Tạo hình**:  - Làm quen với cách cầm bút  - Tô màu trống lắc  - Di màu quả bóng  - Tô màu quả bóng  - Chơi với đất nặn  - Tô màu chiếc cốc  - Tô màu chiếc yếm  - Tô màu bong bóng  - Nặn đôi đũa.  **Chủ đề Bé và Gia đình**  \* **HĐVĐV**:  - Xếp nhà bé  - Xếp cái bàn, cái ghế  \* **Tạo hình**:  - Vẽ hoa tặng cô giáo  - Tô màu bánh ga tô  - Tô màu đường về nhà  - Tô màu chiếc áo của mẹ  - Tô màu cái xô cho cô cấp dưỡng  - Nặn bánh hình tròn.  - Dán cái bát  - Dán quả trứng  - Dán ảnh người thân trong gia đình.  **Chủ đề Những con vật đáng yêu**  \* **HĐVĐV**:  - Xếp ao nuôi tôm, cá  - Xếp chuồng cho các con vật nuôi  - Xếp chuồng thú  \* **Tạo hình**:  - Tô màu con cá heo  - Tô màu con voi  - Tô màu con vật sống trong rừng, dưới nước, con vật nuôi trong gia đình.  - Nặn thức ăn cho các con vật  - Nặn con giun.  - Tô màu mũ sao vàng  **Chủ đề Một số loại rau, củ, quả**  \* **HĐVĐV**:  - Bày quả ra đĩa  - Xếp hàng rào  - Nhặt rau  - Xếp mâm quả ngày Tết  - Bày bánh chưng, bánh tét ra đĩa  \* **Tạo hình**:  - Tô màu quả táo  - Tô màu củ cà rốt  - Tô màu cây bắp cải  - Nặn quả  - Tô màu bánh chưng  - Vẽ mưa mùa xuân  - Tô màu hoa đào  - Dán hoa mùa xuân  - Steam: Tạo hình pháo hoa bằng ống hút, làm pháo hoa giấy, làm hoa bằng màu nước...  **Chủ đề Cây xanh và những bông hoa đẹp**  \* **HĐVĐV**:  - Xếp bệ đặt cây  - Xếp bệ đặt bình hoa  \* **Tạo hình**:  - Tô màu hoa hồng.  - Tô màu cây xanh.  - Nặn cánh hoa  - Dán lá cho cành hoa.  **Chủ đề Một số phương tiện giao thông**  \* **HĐVĐV**:  - Xếp đường đi  - Xếp tàu hỏa  - Xếp ô tô  \* **Tạo hình**:  - Tô màu ô tô  - Tô màu mũ bảo hiểm.  - Tô màu thuyền buồm  - Nặn bánh xe  - Dán đèn tín hiệu giao thông  **Chủ đề Mùa hè - Bé lên mẫu giáo - Bác Hồ kính yêu**  \* **HĐVĐV**:  - Xếp bể bơi  - Xếp áo quần cho bé (Xen kẽ áo, quần)  - Xếp hình tháp chóp  - Xếp lăng Bác  \* **Tạo hình**:  - Tô màu chiếc ô  - Vẽ các tia nắng  - Tô màu trang phục bé  - Nặn chiếc phao bơi  - Tô màu cái bảng  - Tô màu quyển sách  - Tô màu bánh ga tô  - Mọi lúc mọi nơi: Dán đám mây và mưa |

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Thủy**